

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 04)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	085	Nguyễn Thị Hồng	07.6.1993	Nữ	Xã Văn Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	086	Trần Thị Hồng	12.05.1995	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	Đại học GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	087	Hà Thị Huệ	05.4.1994	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	088	Đinh Thị Huệ	27/9/1995	Nữ	Xã Lê Hóa, Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	089	Nguyễn Thị Thu Huệ	10/1/1996	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	090	Cao Thị Hồng Huyền	1/4/1993	Nữ	Xã Hòa Sơn, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Độc Sách	
7	091	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12.02.1997	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	CBGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	092	Phùng Thị Thanh Huyền	28/8/1994	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	DH SP MM	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	093	Trương Thị Mỹ Huyền	26.02.1993	Nữ	Xã Kim Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	094	Cao Thị Hương	10.11.1989	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	095	Đinh Thị Lan Hương	19.02.1987	Nữ	Xã Hòa Hợp - Minh Hóa	DH GDMN	UD CNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	096	Đinh Thị Thanh Hương	15.06.1994	Nữ	Xã Xuân Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
13	097	Nguyễn Thị Mai Hương	13.12.1997	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	098	Nguyễn Thị Thanh Hương	03.7.1994	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
15	099	Phạm Thị Hương	16/6/1995	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CD SP Mầm non	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
16	100	Phạm Thị Kim Hương	20.9.1994	Nữ	Xã Lâm Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Dân tộc TS	
17	101	Trần Thị Hương	10.10.1988	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	102	Trần Thị Lan Hương	19.8.1994	Nữ	TT Quý Đạt - Minh Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Dân tộc TS	
19	103	Trần Thị Lan Hương	06.10.1995	Nữ	Xã Nam Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	104	Phạm Thị Ánh Hương	15.03.1993	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	105	Cao Thị Lan	4/10/1997	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	106	Cao Thị Mỹ Lan	02.10.1990	Nữ	Xã Yên Hóa - Minh Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	107	Đặng Thị Hương Lan	20/1/1996	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	CN GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	108	Võ Thị Mai Lan	28.4.1995	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	109	Ngô Thị Ngọc Lành	09.8.1993	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	110	Nguyễn Thị Lành	03.09.1989	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	111	Cao Thị Thu Lệ	21.05.1997	Nữ	TT Quý Đạt - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
28	112	Đinh Thị Hồng Lệ	18/11/1996	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CD SP Mầm non	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Hỗ Vũ Thường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 05)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	113	Lê Thị Thanh	10.9.1996	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	114	Đinh Thị Mỹ	14/4/1996	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CD GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	115	Trần Thị Bích	27.02.1994	Nữ	Xã Văn Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	116	Thái Thị Hoa	30.12.1994	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	117	Trương Thị Liễu	20/9/1997	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	Trung cấp SP MN	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	118	Cao Thị Thành	25/1/1987	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	119	Bùi Thị Thủy	05.05.1996	Nữ	Xã Ngân Thủy - Lệ Thủy	Cử nhân GD MN	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	120	Cao Thị Mỹ	19.11.1997	Nữ	TTQuy Đạt - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Dân tộc TS	
9	121	Cao Thị Thủy	01,4,1996	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	
10	122	Nguyễn Diệu Linh	7/7/1994	Nữ	Xã Hương Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	123	Nguyễn Thị Linh	14/8/1995	Nữ	Xã Liên Thủy, Lệ Thủy	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	124	Nguyễn Thị Diệu Linh	26.05.1995	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	Trung cấp SPMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
13	125	Phạm Thị Thủy Linh	15.12.1993	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	126	Phan Thị Chí Linh	10.11.1992	Nữ	Xã Hóa Tiến - Minh Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	127	Đoàn Thị Hồng	02.6.1994	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	CDSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Dẫn tộc TS	
16	128	Nguyễn Thị Hương	14.03.1995	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	C	C	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
17	129	Nguyễn Thị Kiều	24.04.1990	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	130	Phạm Thị Bé	04.7.1995	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	131	Trần Thị	12.5.1995	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	132	Trần Thị Kiều	10.05.1993	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
21	133	Nguyễn Thị	26.9.1987	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	134	Đinh Thị Hồng	08.05.1997	Nữ	Xã Quy Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	CN/TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	135	Đinh Thị Thảo	20/6/1995	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	136	Mai Thị Khánh	21/8/1996	Nữ	Xã Liên Thủy, Lệ Thủy	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	137	Nguyễn Thị Cẩm	11.08.1995	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	138	Phạm Thị Thùy	02.03.1994	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	139	Hà Thị	20/9/1989	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
28	140	Trương Thị Thiên	06.03.1995	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

Th

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hồ Vũ Thường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 06)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	141	Võ Thị Mai	10.9.1993	Nữ	Xã Mai Hòa - Tuyên Hòa	TCCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	142	Đinh Thị Kho	7/9/1996	Nữ	Xã Hòa Phúc, Minh Hòa	DH GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	143	Lê Tiêu	06.07.1995	Nữ	TT Đồng Lê - Tuyên Hòa	Cử nhân GD MN	A	C	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	144	Võ Thị Thùy	10/7/1994	Nữ	Xã Ngư Thủy Bắc, Lê Thủy	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	145	Nguyễn Thị Thùy	12.2.1992	Nữ	Xã Cao Quang - Tuyên Hòa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	
6	146	Nguyễn Thị Thành	2/10/1993	Nữ	TT Đồng Lê, Tuyên Hòa	DH GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	147	Đinh Thị Den	10.10.1994	Nữ	Xã Thanh Hòa - Tuyên Hòa	TCCGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	148	Ngô Thị Thu	23.03.1994	Nữ	TT Đồng Lê - Tuyên Hòa	CBSP Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	149	Nguyễn Thị	28/8/1992	Nữ	Xã Mai Hòa, Tuyên Hòa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	150	Nguyễn Thị	10.03.1993	Nữ	Xã Cao Quang - Tuyên Hòa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	151	Trần Thị	30.10.1997	Nữ	Xã Quảng Liên - Q Trạch	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	152	Trần Thị Tố	24/7/1995	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hòa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
13	153	Trần Thị Tố	21.03.1995	Nữ	TT Đồng Lê - Tuyên Hòa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	154	Nguyễn Thị Thu	04.02.1994	Nữ	Xã Sơn Hòa - Tuyên Hòa	CBGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương đương ưu tiên	Ghi chú
15	155	Đình Thị Thu	6/5/1994	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
16	156	Hà Thị Ngân	4/1/1996	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	Con người nhiệm CDHH
17	157	Tô Thị Ái Ngân	26.7.1993	Nữ	Xã Thanh Thạch - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	158	Trần Thị Thúy Ngân	25/3/1993	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	159	Cao Thị Lan Ngọc	6/9/1993	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	160	Đình Thị Ánh Ngọc	8/2/1995	Nữ	Xã Kỳ Hợp, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	161	Đình Thị Bích Ngọc	24.09.1993	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	CDGD Mầm non	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	162	Đoàn Thị Như Ngọc	10/10/1990	Nữ	Xã Quảng Tiên, TX Ba Đồn	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	163	Nguyễn Thị Hồng Nguyễn	22/12/1993	Nữ	Xã Thạch Hóa, Tuyên Hóa	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	164	Đặng Thị Hồng Nguyệt	08.09.1996	Nữ	Xã Yên Hóa - Minh Hóa	CD GDMN	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	165	Đình Thị Ánh Nguyệt	28/6/1992	Nữ	Xã Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	166	Nguyễn Thị Nguyệt	24/8/1991	Nữ	Xã Quảng Xuân, Quảng Trạch	CD GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	167	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	04.08.1994	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
28	168	Phạm Thị Ánh Nguyệt	12/4/1998	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CD GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hà Vũ Thường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 07)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	169	Đinh Thị Thu	12.04.1996	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	170	Nguyễn Thị Hoài	28.04.1994	Nữ	Xã Cam Thủy - Lệ Thủy	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	171	Trần Thị Nam	25/1/1997	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	172	Đinh Thị Tuyết	25/11/1989	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	173	Nguyễn Thị Nhung	25.5.1992	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	174	Phạm Thị Tuyết Nhung	07.7.1994	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	175	Phan Thị Nhung	19/2/1997	Nữ	Xã Quảng Lưu, Quảng Trạch	DH GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	176	Đặng Thị Quỳnh Như	18.04.1997	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	177	Cao Thị Kim Oanh	4/4/1993	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	178	Dương Thị Oanh	04.10.1997	Nữ	Xã Ngư Thủy Nam - Lệ Thủy	CDGD Mầm non	UDCNT TCB	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	179	Đinh Thị Kiều Oanh	25/8/1997	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CD GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	180	Đinh Thị Kim Oanh	8/10/1996	Nữ	Xã Thượng Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
13	181	Đoàn Thị Kiều Oanh	02.01.1991	Nữ	TT Quý Đạt - Minh Hóa	TCSP Mầm non	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	182	Hồ Thị Kiều Oanh	20.7.1994	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	183	Nguyễn Thị Kim	4/3/1995	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
16	184	Trần Thị Kiều	08.09.1997	Nữ	Xã Quảng Liên - Q Trạch	Cư nhân GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
17	185	Trương Thị Yên	08.11.1997	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	186	Trần Thị	2/6/1994	Nữ	Xã Thanh Thủy, Lệ Thủy	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	187	Đinh Thị Nhã	6/1/1995	Nữ	Xã Hòa Trén, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	188	Lê Thị	22.04.1996	Nữ	Xã Xuân Thủy - Lệ Thủy	TCSP Mầm non	A	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	189	Mai Thị	02.11.1997	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	Đại học GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	190	Nguyễn Thị	22.02.1998	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	CBGD Mầm non	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	191	Trần Thị Huyền	09.9.1993	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	192	Cao Thị	28.08.1995	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	Trung cấp GDMN	UD CNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	193	Cao Thị Hoa	20.12.1995	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	194	Đinh Thị Hoa	26.02.1991	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	Cư nhân GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	195	Nguyễn Thị	05.6.1993	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
28	196	Nguyễn Thị Múc	20.8.1994	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	TCGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hồ Vũ Thường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 08)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	197	Hồ Thị Quý	26.06.1992	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	198	Đình Thị Quyên	11/1/1994	Nữ	Xã Hòa Thanh, Minh Hóa	CN GD mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	199	Hoàng Kim Quyên	03.5.1992	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	200	Nguyễn Thị Kim Quyên	8/5/1996	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	201	Đình Thị Như Quỳnh	30/7/1991	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	202	Phan Thị Như Quỳnh	10.01.1996	Nữ	P Minh Phương - TX Ba Đồn	CBSP Mầm non	CN TTC B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	203	Hoàng Thị Kim Sinh	8/10/1994	Nữ	Xã Thanh Thạch, Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	204	Nguyễn Thị Hoài Sương	02.01.1996	Nữ	Xã Hương Trạch - Hương Khê- Hà Tĩnh	Cử nhân GDMN	UDCNT TCB	Bậc 3	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	205	Cao Thị Thanh Tâm	16.01.1993	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	206	Nguyễn Thị Thương Tây	13/1/1996	Nữ	Xã Cảnh Dương, Quảng Trạch	TC SP Mầm non	UDCNT T	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	207	Dương Thị Tiềm	22/6/1993	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	208	Cao Thị Tín	6/7/1990	Nữ	Xã Tân Hóa, Minh Hóa	TC GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
13	209	Trần Thị Tình	11.02.1990	Nữ	Xã Lê Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	210	Hà Thị Ngọc Tú	22.10.1993	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	211	Phạm Thị Ngọc	22.11.1989	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
16	212	Cao Thị Minh	13/2/1988	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
17	213	Hoàng Thị	28.04.1993	Nữ	TT Đồng Lê - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	214	Trần Thị Kim	10/6/1986	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	A1	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	215	Đinh Thị Ánh	12/1/1997	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	216	Cao Thị	10.06.1984	Nữ	TT Đồng Lê - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	217	Cao Thị Hoài	2/5/1991	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	218	Trần Thị	16.2.1995	Nữ	TT Đồng Lê - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	CNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	219	TRẦN Thị	16.7.1993	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	220	Cao Thị Phương	02.09.1997	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GDMN	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	221	Đặng Thị	13/1/1993	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	222	Đặng Thị Hồng	27.11.1995	Nữ	Xã Quy Hóa, Minh Hóa	DHSP Mầm non	CNTT cơ bản	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	223	Đinh THỊ	08.7.1993	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
28	224	Đinh Thị Thu	13.05.1995	Nữ	Xã Dân Hóa - Minh Hóa	CBSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hồ Vũ Thường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 09)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	225	Đoàn Thị Thảo	20.12.1994	Nữ	Xã Sơn Hòa - Tuyên Hòa	TCCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	226	Hồ Thị Phương Thảo	10.9.1997	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hòa	TCCSP Mầm non	UDCNT TCB	TA bậc 2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	227	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/2/1993	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hòa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	228	Trần Thị Thảo	20/8/1998	Nữ	Xã Quảng Hợp, Quảng Trạch	CD GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	229	Đình Thị Hoài Thắm	4/11/1997	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	230	Đình Thị Hồng Thắm	02.08.1996	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cư nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	231	Lê Thị Thòa	10.10.1995	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hòa	TCCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	232	Đình Thị Hoa Thơm	14.08.1996	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	CDGD Mầm non	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	233	Phạm Thị Thơm	5/6/1992	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hòa	CD GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	234	Cao Thị Hiền Thu	05.9.1993	Nữ	Xã Sơn Hòa - Tuyên Hòa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	235	Cao Thị Hoài Thu	25/1/1996	Nữ	Xã Hồng Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	236	Đình Thị Hoài Thu	29/1/1986	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
13	237	Đình Thị Hoài Thu	6/8/1996	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	238	Đình Thị Lê Thu	12/3/1995	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	239	Nguyễn Thị Hoài	02.4.1995	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
16	240	Đình Thị Minh	06.07.1989	Nữ	Xã Yên Hóa - Minh Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
17	241	Hoàng Thị	01.8.1994	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	242	Lương Thị Ngọc	6/2/1994	Nữ	Xã Văn Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	243	Nguyễn Thị	01.01.1993	Nữ	Xã Đức Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	244	Nguyễn Thị Bích	13.08.1996	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	245	Phạm Thị Huyền	16.08.1993	Nữ	Xã Quảng Hưng - Quảng Trạch	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	246	Phạm Thị	4/11/1993	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	247	Phan Thị Minh	08.06.1996	Nữ	Xã Quảng Phương, Quảng Trạch	Cử nhân GD MN	CN TT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	248	Đình Thị	15/5/1985	Nữ	Xã Hóa Phúc, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	249	Hoàng Thị Lê	10.01.1992	Nữ	Xã Lâm Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	250	Hoàng Thị	09.02.1990	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	251	Hoàng Thị Hoài	09.7.1997	Nữ	Xã Quy Đạt - Minh Hóa	CDGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hồ Vũ Thường



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 10)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	252	Lê Thị Thuong	10/5/1992	Nữ	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	253	Nguyễn Thị Thương	02.8.1994	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	CBSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	254	Trần Thị Thương	20.10.1987	Nữ	Xã Quảng Phúc - TX Ba Đồn	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	255	Nguyễn Thị Thanh Trà	14.03.1993	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	256	Đặng Thị Thu Trang	28.02.1997	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	CD GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	257	Đinh Nữ Quỳnh Trang	4/11/1996	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	258	Đinh Thị Hồng Trang	24/11/1995	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	259	Đinh Thị Hồng Trang	12.12.1994	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	260	Đinh Thị Huyền Trang	27/8/1994	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	CN GD mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	261	Đinh Thị Huyền Trang	04.08.1988	Nữ	Xã Yên Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	262	Đoàn Thị Thu Trang	01.6.1995	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	263	Hoàng Thị Thu Trang	15.09.1995	Nữ	Xã Lâm Hóa - Tuyên Hóa	TCGD Mầm non	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Dân tộc TS	
13	264	Nguyễn Thị Hà Trang	23.06.1996	Nữ	Xã Hương Trạch - Hương Khê - Hà Tĩnh	Cử nhân GDMN	UDCNT TCB	Bậc 3	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	265	Nguyễn Thị Huyền Trang	05.04.1998	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	TCSP Mầm non	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Giải chú
15	266	Trần Thị Huyền	15.04.1997	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
16	267	Trương Thị Hoài	08.06.1993	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
17	268	Cao Thị Hải	10.08.1995	Nữ	Xã Cao Quảng - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	269	Đình Thị Thủy	18.08.1995	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	270	Đoàn Thị	06.11.1993	Nữ	Xã Thuận Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	271	Hoàng Thị Hồng	13/6/1997	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CĐ Giáo dục MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	272	Hồ Thị Hồng	6/4/1998	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CĐ GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	273	Hồ Thị Hồng	19.12.1991	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	274	Phan Thị Hồng	30.04.1997	Nữ	Phường Đức Ninh - TP Đông Hội	Đại học GD MN	CNITT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	275	Đình Thị Hằng	16.06.1995	Nữ	Xã Hòa Hợp - Minh Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	276	Hoàng Thị Kim	22.10.1992	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	277	Cao Thị	12/5/1995	Nữ	Xã Đông Hóa, Tuyên Hóa	DH Giáo dục MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN,01	Không	
27	278	Nguyễn Thị Hải	23.7.1996	Nữ	Xã Cao Quảng - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hồ Văn Thường

